

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ NÔNG NGHIỆP THÁI NGUYÊN



**ĐIỀU LỆ
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ NÔNG NGHIỆP
THÁI NGUYÊN**

(Sửa đổi lần thứ mười năm 2024)

Thái Nguyên, tháng 5 năm 2024

ĐIỀU LỆ
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ NÔNG NGHIỆP THÁI NGUYÊN

Những căn cứ xây dựng:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan;
- Quyết định số 3511/QĐ-UB ngày 28/12/2003 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước đối với: Công ty vật tư NLN-TL Thái Nguyên thành Công ty Cổ phần Vật tư nông nghiệp Thái Nguyên.

Điều lệ này của Công ty cổ phần Vật tư nông nghiệp Thái Nguyên là cơ sở pháp lý cho việc tổ chức và hoạt động của Công ty. Điều lệ và các văn bản được thông qua hợp lệ, phù hợp với pháp luật liên quan sẽ là những quy tắc và quy định ràng buộc để tiến hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

Giải thích từ ngữ :

Trong Điều lệ này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau :

1. “Doanh nghiệp” là tổ chức có tên riêng, có tài sản, có trụ sở giao dịch, được thành lập hoặc đăng ký thành lập theo quy định của pháp luật nhằm mục đích kinh doanh.
2. “Kinh doanh” là việc thực hiện liên tục một, một số hoặc tất cả công đoạn của quá trình từ đầu tư, sản xuất đến tiêu thụ sản phẩm hoặc cung ứng dịch vụ trên thị trường nhằm mục đích tìm kiếm lợi nhuận.
3. “Hồ sơ hợp lệ” là hồ sơ có đầy đủ giấy tờ theo quy định của Luật doanh nghiệp và nội dung các giấy tờ đó được kê khai đầy đủ theo quy định của pháp luật.
4. “Góp vốn” là việc góp tài sản để tạo thành vốn điều lệ của công ty, bao gồm góp vốn để thành lập công ty hoặc góp thêm vốn điều lệ của công ty đã được thành lập.
5. “Vốn điều lệ” là tổng mệnh giá cổ phần đã bán hoặc được đăng ký mua khi thành lập công ty cổ phần.
6. “Vốn có quyền biểu quyết” là phần vốn góp hoặc cổ phần, theo đó người sở hữu có quyền biểu quyết về những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
7. “Cổ tức” là khoản lợi nhuận ròng được trả cho mỗi cổ phần bằng tiền mặt hoặc bằng tài sản khác.
8. “Thành viên sáng lập” là cổ đông sở hữu ít nhất một cổ phần phổ thông và ký tên trong danh sách cổ đông sáng lập công ty cổ phần.
9. “Người quản lý doanh nghiệp” là Chủ tịch Hội đồng quản trị, Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng Công ty.
10. “Tổ chức lại doanh nghiệp” là việc chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi loại hình doanh nghiệp.
11. “Người có liên quan” là cá nhân, tổ chức có quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp với doanh nghiệp trong các trường hợp sau đây:
 - a) Công ty mẹ, người quản lý và người đại diện theo pháp luật của công ty mẹ và người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý của công ty mẹ;
 - b) Công ty con, người quản lý và người đại diện theo pháp luật của công ty con;
 - c) Cá nhân, tổ chức hoặc nhóm cá nhân, tổ chức có khả năng chi phối hoạt động của doanh nghiệp đó thông qua sở hữu, nắm giữ cổ phần, phần vốn góp hoặc thông qua việc ra quyết định

của công ty;

d) Người quản lý doanh nghiệp, người đại diện theo pháp luật, Kiểm soát viên;

đ) Vợ, chồng, bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, con đẻ, con nuôi, con rể, con dâu, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của người quản lý công ty, người đại diện theo pháp luật, Kiểm soát viên, thành viên và cổ đông sở hữu phần vốn góp hay cổ phần chi phối;

e) Cá nhân là người đại diện theo ủy quyền của công ty, tổ chức quy định tại các điểm a, b và c khoản này;

g) Doanh nghiệp trong đó cá nhân, công ty, tổ chức quy định tại các điểm a, b, c, d, đ và e khoản này có sở hữu đến mức chi phối việc ra quyết định của công ty.

12. Người có quan hệ gia đình bao gồm: vợ, chồng, bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, con đẻ, con nuôi, con rể, con dâu, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu, anh ruột của vợ, anh ruột của chồng, chị ruột của vợ, chị ruột của chồng, em ruột của vợ, em ruột của chồng.

13. Địa chỉ liên lạc là địa chỉ đăng ký trụ sở chính đối với tổ chức; địa chỉ thường trú hoặc nơi làm việc hoặc địa chỉ khác của cá nhân mà người đó đăng ký với doanh nghiệp để làm địa chỉ liên lạc.

14. Giá thị trường của phần vốn góp hoặc cổ phần là giá giao dịch trên thị trường tại thời điểm liền kề trước đó, giá thỏa thuận giữa người bán và người mua hoặc giá do một tổ chức thẩm định giá xác định.

15. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là văn bản bằng bản giấy hoặc bản điện tử ghi lại những thông tin về đăng ký doanh nghiệp mà Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp cho doanh nghiệp.

16. Giấy tờ pháp lý của cá nhân là một trong các loại giấy tờ sau đây: thẻ Căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu, giấy tờ chứng thực cá nhân hợp pháp khác.

17. Giấy tờ pháp lý của tổ chức là một trong các loại giấy tờ sau đây: Quyết định thành lập, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, tài liệu tương đương khác.

18. Bản sao là giấy tờ được sao từ sổ gốc hoặc được chứng thực từ bản chính bởi cơ quan, tổ chức có thẩm quyền hoặc đã được đối chiếu với bản chính.

19. Cổ đông là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của công ty cổ phần.

20. Công ty bao gồm công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần và công ty hợp danh.

21. Pháp luật là tất cả các văn bản quy phạm pháp luật quy định tại Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật do Nhà nước ban hành.

22. Luật Doanh nghiệp là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

23. Từ viết tắt:

a/ HĐQT: Hội đồng quản trị

b/ SXKD: sản xuất kinh doanh

CHƯƠNG I NHỮNG ĐIỀU KHOẢN CHUNG

Điều 1: Tên Công ty, hình thức và cơ cấu tổ chức.

1- Tên Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ NÔNG NGHIỆP THÁI NGUYÊN

- Tên giao dịch quốc tế: THAI NGUYEN JOINT- STOCK COMPANY FOR AGRICULTURAL MATERIALS;

- Tên viết tắt: TN JSCAM

2. Công ty cổ phần vật tư nông nghiệp Thái Nguyên là doanh nghiệp đa sở hữu được thành lập dưới hình thức chuyển doanh nghiệp Nhà nước Công ty Vật tư nông lâm nghiệp thuy lợi thành Công ty cổ phần, tổ chức và hoạt động theo Luật doanh nghiệp.

3. Cơ cấu tổ chức quản lý của Công ty Cổ phần Vật tư nông nghiệp Thái Nguyên bao gồm: Đại hội đồng cổ đông; Hội đồng quản trị; Tổng giám đốc; Ban kiểm soát.

Điều 2: Trụ sở, điện thoại, địa bàn hoạt động

1. Trụ sở chính của Công ty đặt tại: Số 64A đường Việt Bắc, Tổ 11 phường Đồng Quang, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

2. Điện thoại: 0208 3856.332 – 0208 3856 331; Fax: 0208 3750 345

3. Địa bàn hoạt động: Tỉnh Thái Nguyên, các tỉnh trong cả nước và ở nước ngoài.

4. Website: vattunongnghiepthainguyen.com

Điều 3: Tư cách pháp nhân

Công ty cổ phần Vật tư nông nghiệp Thái Nguyên:

- Có tư cách pháp nhân đầy đủ theo qui định của pháp luật Việt Nam.
- Có con dấu riêng, độc lập về tài sản, được mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước, các ngân hàng trong và nước ngoài theo quy định của pháp luật.

- Có điều lệ của Công ty.

- Chịu trách nhiệm tài chính hữu hạn đối với các khoản nợ trong phạm vi vốn điều lệ.

- Tự chịu trách nhiệm về kết quả kinh doanh, được hạch toán kinh tế độc lập và tự chủ về tài chính.

- Có Bảng cân đối kế toán riêng, được lập các quỹ theo qui định của Luật doanh nghiệp và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 4: Mục tiêu và phạm vi sản xuất kinh doanh

1- Mục tiêu:

Công ty được thành lập để huy động và sử dụng vốn có hiệu quả trong kinh doanh. Mặt hàng chiến lược là phân bón, các loại giống cây trồng, kinh doanh đa dạng các mặt hàng phục vụ cho sản xuất nông nghiệp và đời sống nhân dân, đảm bảo việc làm và thu nhập ngày một tăng lên cho người lao động, tăng cổ tức cho các cổ đông, phát triển doanh nghiệp ngày càng lớn mạnh trong cơ chế thị trường, khẳng định vai trò chủ đạo của doanh nghiệp về mặt hàng phân bón phục vụ tốt sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh.

2- Chức năng, ngành nghề kinh doanh của Công ty:

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh được bổ sung	Mã ngành
1	Trồng lúa	0111
2	Trồng ngô và cây lương thực có hạt khác	0112
3	Hoạt động dịch vụ trồng trọt	0161
4	Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch	0163
5	Trồng rừng, chăm sóc rừng và ươm giống cây lâm nghiệp	0210
6	Nuôi trồng thủy sản nội địa	0322
7	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	1020
8	Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản	1080
9	Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ	2012
10	Xây dựng nhà để ở	4101
11	Xây dựng nhà không để ở	4102
12	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299

13	Buôn bán ô tô và xe có động cơ khác	4511
14	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
15	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác	4530
16	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa (loại trừ hoạt động đấu giá)	4610
17	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (Bán buôn thức ăn gia súc, gia cầm, vật nuôi; mua bán gia cầm, giống vật nuôi, thủy sản)	4620
18	Buôn bán gạo, lúa mì, hạt ngũ cốc khác, bột mì	4631
19	Bán buôn thực phẩm (Bán buôn thực phẩm, rau và hoa quả tươi, hàng nông lâm sản, thủy hải sản, đường, cà phê, hàng công nghệ phẩm)	4632
20	Bán buôn đồ uống (Bán buôn rượu, bia, nước giải khát)	4633
21	Buôn bán máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
22	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác (Bán buôn vật tư, thiết bị phục vụ sản xuất nông nghiệp, công nghiệp, điện dân dụng)	4659
23	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan (Bán buôn xăng, dầu, gas)	4661
24	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
25	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu (Bán buôn phân bón; mua bán, sang chai, đóng gói thuốc bảo vệ thực vật; mua bán thuốc thú y; mua bán vật tư kim khí, hóa chất trừ những hóa chất nhà nước cấm)	4669 (chính)
26	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4719
27	Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh	4730
28	Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu	4799
29	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
30	Kho bãi và lưu trữ hàng hóa	5210
31	Bốc xếp hàng hóa	5224
32	Hoạt động dịch vụ khác liên quan đến vận tải (dịch vụ giao nhận hàng hoá)	5229
33	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê (cho thuê nhà, kho bãi)	6810
34	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
35	Hoạt động dịch vụ khác còn lại chưa được phân vào đâu (dịch vụ chuyển giao khoa học kỹ thuật nông lâm nghiệp; xúc tiến thương mại; tư vấn đầu tư thuộc lĩnh vực nông nghiệp)	8299

Điều 5: Thời hạn hoạt động.

Thời hạn hoạt động của Công ty là không giới hạn. Việc chấm dứt hoặc gia hạn thời gian hoạt động của Công ty do Đại hội đồng cổ đông quyết định.

Điều 6: Nguyên tắc tổ chức, quản trị và điều hành của Công ty.

- Công ty hoạt động trên nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, tự chủ và tôn trọng pháp luật.
- Cơ quan quyết định cao nhất của Công ty là Đại hội đồng cổ đông.
- Đại hội đồng cổ đông bầu Hội đồng quản trị (HDQT) để quản trị Công ty giữa hai kỳ Đại hội; bầu Ban kiểm soát để kiểm soát mọi mặt hoạt động sản xuất kinh doanh, hoạt động quản trị, điều hành Công ty.
- Quản lý và điều hành hoạt động của Công ty là Tổng Giám đốc do HDQT bổ nhiệm và miễn nhiệm. Tổng Giám đốc điều hành phải tuân thủ điều lệ của Công ty, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết của HDQT.

Điều 7: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam và các tổ chức chính trị khác

- Các tổ chức: Đảng cộng sản Việt Nam, Công đoàn, Đoàn Thanh niên Công ty hoạt động theo hiến pháp, pháp luật của Nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam và điều lệ của tổ chức đó.

- Công ty tôn trọng và tạo điều kiện để các tổ chức trên hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ, điều lệ của tổ chức mình.

Chương II**QUYỀN HẠN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÔNG TY****MỤC I: QUYỀN HẠN CỦA CÔNG TY****Điều 8: Quyền tự chủ trong quản lý sản xuất kinh doanh.**

1. Công ty có quyền quản lý, sử dụng vốn do các Cổ đông đóng góp; đất đai và tài nguyên được giao sử dụng và các nguồn lực khác để thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ kinh doanh.

2. Tổ chức bộ máy quản lý, tổ chức các đơn vị sản xuất kinh doanh phù hợp với mục tiêu, nhiệm vụ của Công ty, phân chia và điều chỉnh các nguồn lực giữa các đơn vị trực thuộc đảm bảo hiệu quả sản xuất kinh doanh.

3. Đổi mới công nghệ, trang thiết bị phù hợp với yêu cầu phát triển và hiệu quả kinh doanh.

4. Đặt chi nhánh văn phòng đại diện của Công ty ở trong nước, ở nước ngoài theo quy định của pháp luật.

5. Kinh doanh những ngành nghề do Công ty lựa chọn phù hợp với điều kiện của doanh nghiệp trừ những ngành nghề pháp luật không cho phép.

6. Tìm kiếm thị trường, trực tiếp giao dịch và ký kết hợp đồng với các khách hàng trong và ngoài nước. Được trực tiếp nhập khẩu theo yêu cầu hoạt động kinh doanh của Công ty và phù hợp với quy định hiện hành của pháp luật.

7. Quyết định giá mua, giá bán vật tư, nguyên liệu, sản phẩm và dịch vụ chủ yếu, trừ những sản phẩm, dịch vụ do Nhà nước định giá.

8. Được bảo hộ về quyền sở hữu công nghiệp bao gồm: các sáng chế, giải pháp hữu ích, nhãn hiệu sản phẩm, kiểu dáng công nghiệp, tên gọi xuất xứ hàng hoá theo qui định của Pháp luật Việt Nam.

9. Đầu tư, liên doanh, liên kết, góp vốn cổ phần, mua một phần hoặc toàn bộ tài sản của doanh nghiệp khác theo qui định của pháp luật với mục đích phát triển sản xuất kinh doanh.

10. Tuyển chọn, thuê mượn, bố trí sử dụng, đào tạo lao động, lựa chọn các hình thức trả lương, thưởng, quyết định mức lương trên cơ sở công hiến, hiệu quả sản xuất kinh doanh và có các quyền khác của người sử dụng lao động theo qui định của Bộ luật Lao động và các quy định khác của pháp luật.

11. Mời và tiếp khách nước ngoài hoặc cử cán bộ, nhân viên của Công ty đi công tác nước ngoài phù hợp với chủ trương mở rộng hợp tác của Công ty và các quy định của Nhà nước.

12. Có quyền quan hệ với tất cả các đối tác trong và ngoài nước trên quan hệ bình đẳng, tôn trọng lẫn nhau, hợp tác trong kinh doanh cùng có lợi; giao tiếp, học tập lẫn nhau nhằm mục tiêu phát triển Công ty, không vi phạm quy định của Nhà nước.

13. Từ chối và tố cáo mọi yêu cầu cung cấp các nguồn lực không được pháp luật quy định của bất kỳ cá nhân, cơ quan hay tổ chức nào, trừ những khoản tự nguyện đóng góp vì mục đích nhân đạo và công ích.

Điều 9: Quyền quản lý tài chính của Công ty.

1. Sử dụng vốn và các quỹ của Công ty để phục vụ nhu cầu kinh doanh theo nguyên tắc bảo toàn vốn, sinh lãi.

2. Nhượng bán và cho thuê tài sản không dùng đến hoặc chưa dùng hết công suất.
3. Phát hành, chuyển nhượng, bán các cổ phiếu, trái phiếu theo quy định của pháp luật; được thế chấp giá trị quyền sử dụng đất gắn liền với tài sản thuộc quyền quản lý của Công ty tại các ngân hàng Việt Nam để vay vốn kinh doanh theo quy định của pháp luật.
4. Quyết định sử dụng và phân phối lợi nhuận còn lại cho các Cổ đông sau khi đã làm đủ nghĩa vụ với Nhà nước theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

MỤC II: NGHĨA VỤ CỦA CÔNG TY

Điều 10: Nghĩa vụ quản lý hoạt động SXKD

1. Đăng ký kinh doanh và kinh doanh đúng ngành nghề đã đăng ký, chịu trách nhiệm trước các Cổ đông về kết quả kinh doanh, chịu trách nhiệm trước khách hàng và pháp luật về sản phẩm và dịch vụ do Công ty thực hiện.
2. Xây dựng chiến lược phát triển, kế hoạch sản xuất kinh doanh phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của Công ty và nhu cầu thị trường.
3. Ký kết và tổ chức thực hiện các hợp đồng kinh tế đã ký với các đối tác.
4. Thực hiện các nghĩa vụ đối với người lao động theo quy định của Bộ luật lao động, tạo điều kiện cho người lao động tham gia quản lý Công ty bằng thoả ước lao động tập thể và các quy chế khác.
5. Thực hiện các quy định của Nhà nước về bảo vệ tài nguyên, môi trường, an ninh quốc gia và công tác phòng cháy chữa cháy, công tác an toàn lao động, chống tham nhũng, bảo vệ trật tự an ninh, an toàn xã hội. Tham gia các chương trình từ thiện. Đấu tranh phòng chống tệ nạn xã hội.
6. Thực hiện chế độ báo cáo thống kê, kế toán báo cáo định kỳ theo quy định của Nhà nước và báo cáo bất thường theo yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông và chịu trách nhiệm về tính xác thực của các báo cáo.
7. Chịu sự kiểm tra, kiểm soát của các cơ quan quản lý Nhà nước theo qui định của pháp luật; tuân thủ các quy định về thanh tra của các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

Điều 11: Nghĩa vụ quản lý tài chính

1. Thực hiện đúng chế độ và các quy định về quản lý vốn, tài sản, các quỹ, hạch toán kế toán thống kê, chế độ kiểm toán và các chế độ khác do pháp luật quy định. Chịu trách nhiệm về tính chính xác của các báo cáo tài chính của Công ty.
2. Bảo toàn và phát triển vốn.
3. Công bố công khai các thông tin và báo cáo tài chính hàng năm, đánh giá đúng đắn và khách quan hoạt động sản xuất kinh doanh.
4. Thực hiện các nghĩa vụ nộp thuế và các khoản nộp ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật.
5. Công ty chịu trách nhiệm vật chất đối với khách hàng trong phạm vi vốn điều lệ của Công ty.

CHƯƠNG III VỐN, CỔ PHẦN, CỔ PHIẾU, CỔ ĐÔNG

MỤC 1: VỐN

Điều 12: Vốn điều lệ

1. Vốn điều lệ được góp bằng đồng Việt Nam, ngoại tệ hoặc bằng hiện vật và được hạch toán theo một đơn vị thống nhất là Việt Nam đồng.
2. Vốn điều lệ của Công ty tại thời điểm là: 15.000.000.000 đồng (Mười lăm tỷ đồng).
3. Cơ cấu vốn phân theo sở hữu:

- Vốn thuộc sở hữu Nhà nước: 1.650 triệu đồng, chiếm 11,0% Vốn điều lệ.
 - Vốn thuộc sở hữu của các cổ đông khác: 13.350 triệu đồng, chiếm 89,0% Vốn điều lệ.
4. Việc tăng, giảm vốn điều lệ do Đại hội đồng cổ đông quyết định.
5. Vốn điều lệ chỉ được sử dụng cho hoạt động sản xuất kinh doanh như:
- Mua sắm tài sản cố định, máy móc, phương tiện vận tải, xây dựng nhà xưởng... mở rộng quy mô hoạt động của Công ty.
 - Phát triển kỹ thuật nghiệp vụ.
 - Mua cổ phiếu, trái phiếu, góp vốn liên doanh.
 - Các dự trữ cần thiết về động sản, bất động sản.
 - Kinh doanh theo nội dung hoạt động của Công ty.
6. Không sử dụng vốn điều lệ để chia cho các Cổ đông dưới bất kỳ hình thức nào (trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác không trái pháp luật).

MỤC II: CỔ PHẦN, CỔ PHIẾU

Điều 13: Cổ phần, cổ phiếu

1. Vốn điều lệ của Công ty được chia thành nhiều phần bằng nhau, gọi là cổ phần. Giấy chứng nhận quyền sở hữu cổ phần do Công ty phát hành được gọi là cổ phiếu, số tiền ghi trên cổ phiếu là giá trị cổ phần của Cổ đông góp vốn.
2. Vốn điều lệ của Công ty được chia thành 1.500.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần: 10.000 đồng. Cổ phiếu của Công ty có nhiều mệnh giá tối thiểu của một cổ phiếu bằng 10.000 đồng, các cổ phần có giá trị ngang nhau về mọi mặt.

Điều 14: Hình thức cổ phiếu.

1. Cổ phiếu của Công ty được phát hành theo mẫu thống nhất của Bộ Tài chính Nước CHXHCN Việt Nam.
2. Mọi cổ phiếu phải có chữ ký của Chủ tịch HĐQT và được đóng dấu Công ty.
3. Công ty phát hành 2 loại cổ phiếu:
- 3.1. Cổ phiếu ghi danh: Được phát hành cho các chủ sở hữu: Nhà nước, thành viên HĐQT.
- Mỗi cổ phiếu ghi danh phải ghi rõ họ tên, địa chỉ của pháp nhân hay cá nhân sở hữu, được đóng dấu của Công ty cổ phần vật tư nông nghiệp Thái nguyên, ghi rõ số cổ phiếu, loại cổ phiếu, và số tiền đóng góp, tóm tắt điều kiện chuyển nhượng.
- 3.2 Cổ phiếu không ghi danh:
- Cổ phiếu phát hành cho các Cổ đông sở hữu số cổ phần phổ thông còn lại.
 - Cổ phiếu phát hành thêm khi Công ty cần tăng vốn điều lệ.
 - Cổ phiếu ghi danh đã được chuyển nhượng theo quy định tại điều lệ này.
4. Nếu cổ phiếu mờ, rách, hư hỏng hay bị mất có thể xin đổi cổ phiếu mới nếu trình đủ chứng cứ theo yêu cầu của HĐQT và Cổ đông sở hữu cổ phiếu đó phải chịu mọi phí tổn.

Điều 15: Chuyển nhượng cổ phần.

1. Cổ đông của Công ty được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật và điều lệ của Công ty; Cổ đông muốn bán, chuyển nhượng cổ phần phải đăng ký tại trụ sở chính (Thường trực HĐQT) của Công ty để xác nhận việc chuyển nhượng cổ phần, thực hiện nghĩa vụ với ngân sách và cập nhật danh sách cổ đông.
2. Cổ phiếu của các thành viên HĐQT trong thời gian đương nhiệm chỉ được chuyển nhượng khi được HĐQT đồng ý.
3. Cổ phiếu được tự do chuyển nhượng theo quy định của pháp luật và bản điều lệ này.

Điều 16: Thừa kế cổ phần

1. Trường hợp cổ đông là cá nhân chết thì người thừa kế theo di chúc hoặc theo pháp luật của cổ đông đó trở thành cổ đông của công ty.

2. Trường hợp cổ đông là cá nhân chết mà không có người thừa kế, người thừa kế từ chối nhận thừa kế hoặc bị tước quyền thừa kế thì số cổ phần của cổ đông đó được giải quyết theo quy định của pháp luật về dân sự.

3. Cổ đông có quyền tặng cho một phần hoặc toàn bộ cổ phần của mình tại công ty cho cá nhân, tổ chức khác; sử dụng cổ phần để trả nợ, để thế chấp, bảo lãnh nghĩa vụ của mình tại doanh nghiệp. Cá nhân, tổ chức được tặng cho hoặc nhận trả nợ bằng cổ phần sẽ trở thành cổ đông của công ty.

4. Cá nhân, tổ chức nhận cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều này chỉ trở thành cổ đông công ty từ thời điểm các thông tin của họ được ghi đầy đủ vào sổ đăng ký cổ đông.

5. Công ty phải đăng ký thay đổi cổ đông trong sổ đăng ký cổ đông theo yêu cầu của cổ đông có liên quan theo quy định tại Điều lệ công ty.

Điều 17: Chào bán cổ phần.

1. Việc phát hành thêm cổ phần mới phải được Đại hội đồng cổ đông quyết định.

2. Việc chào bán cổ phần được quy định như sau:

a/ Hội đồng quản trị quyết định giá chào bán cổ phần. Giá chào bán cổ phần không được thấp hơn giá thị trường tại thời điểm chào bán, trừ những trường hợp sau đây

- Cổ phần chào bán lần đầu tiên sau khi đăng ký kinh doanh.

- Cổ phần chào bán cho tất cả cổ đông theo tỉ lệ cổ phần của họ hiện có ở Công ty.

- Cổ phần chào bán cho người môi giới hoặc người bảo lãnh. Trong trường hợp này, giá chào bán cổ phần không thấp hơn giá thị trường trừ đi phần hoa hồng dành cho người môi giới, bảo lãnh.

b/ Cổ phần phổ thông mới dự kiến phát hành sẽ được ưu tiên chào bán cho các cổ đông theo tỉ lệ tương ứng với tỉ lệ cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Công ty. Công ty phải thông báo việc chào bán số cổ phần được chào bán và thời hạn hợp lý (không ít hơn 20 ngày) để cổ đông đặt mua. Số cổ phần không được cổ đông đặt mua hết sẽ chịu sự kiểm soát của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có thể phân phối các cổ phần đó cho các đối tượng theo điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy phù hợp, với điều kiện các cổ phần đó không được bán theo các điều kiện ưu đãi hơn các điều kiện đã chào bán cho các cổ đông.

c/ Sau khi đã thanh toán đủ số cổ phần đã đăng ký mua, Công ty cấp cổ phiếu theo yêu cầu của cổ đông. Cổ phiếu phải ghi đầy đủ những thông tin theo quy định của Luật Doanh nghiệp và phải được đăng ký vào sổ danh sách cổ đông.

3- Công ty có thể mua lại cổ phần của chính mình theo những cách thức được quy định trong Luật doanh nghiệp. Cổ phần do Công ty mua lại được giữ làm cổ phiếu quỹ và có thể được Hội đồng quản trị chào bán theo các quy định ở trên.

4- Khi Công ty phát hành cổ phiếu vào thị trường chứng khoán phải tuân theo quy định của Nhà nước về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

5- Công ty có thể phát hành trái phiếu khi có sự phê chuẩn của Đại hội đồng cổ đông phù hợp với quy định của Nhà nước.

Mục III : CỔ ĐÔNG**Điều 18: Quy định chung về cổ đông:**

1. Cổ đông là những người chủ sở hữu của Công ty gồm: Nhà nước, pháp nhân hoặc cá nhân sở hữu một hay nhiều cổ phần của Công ty và có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số

cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Trách nhiệm của mỗi cổ đông được giới hạn theo tỷ lệ cổ phần mà cổ đông đó nắm giữ.

2. Cổ đông được công nhận chính thức khi đã nộp đủ số tiền theo đăng ký mua, tiền thuê chuyển nhượng cổ phần (nếu có) và được ghi tên vào sổ đăng ký cổ đông lưu tại Công ty.

3. Người đại diện cổ đông của công ty.

3.1. Người đại diện của cổ đông Nhà nước tại Công ty: Là người đại diện theo ủy quyền phần vốn Nhà Nước đầu tư tại Công ty theo Quyết định của UBND tỉnh Thái Nguyên, có trách nhiệm thực hiện quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo quyết định và văn bản chỉ đạo của UBND tỉnh Thái Nguyên.

3.2. Người đại diện cho cổ đông tổ chức là người đại diện pháp luật của tổ chức đó hoặc tổ chức đó ra quyết định cử người đại diện của mình làm đại diện pháp nhân để quản lý số cổ phần của mình tại Công ty.

3.3. Cổ đông cá nhân có thể ủy quyền cho người khác có đủ năng lực pháp luật và năng lực hành vi dân sự làm đại diện cho mình tại Công ty. Việc ủy quyền trên phải được thực hiện bằng văn bản.

3.4. Cổ đông muốn thay đổi người đại diện phải có văn bản gửi Hội đồng quản trị Công ty.

3.5. Trong trường hợp một cổ đông mới được sáp nhập, hợp nhất từ cổ đông cũ hoặc kế thừa quyền và nghĩa vụ của pháp nhân cũ thì cổ đông là pháp nhân mới này phải gửi cho Hội đồng quản trị các văn bản có hiệu lực pháp lý về việc sáp nhập, hợp nhất hoặc thừa kế để Hội đồng quản trị xử lý, về cổ đông, cổ phiếu, cổ phần và người đại diện của pháp nhân tại Công ty. Trường hợp pháp nhân giải thể thì cổ phần của cổ đông này phải được chuyển nhượng cho pháp nhân hoặc cá nhân khác.

Điều 19: Quyền của Cổ đông phổ thông.

1. Cổ đông phổ thông có quyền sau đây:

1.1. Tham dự, phát biểu trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;

1.2. Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

1.3. Ưu tiên mua cổ phần mới tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong công ty;

1.4. Tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ theo qui định của điều lệ này và pháp luật;

1.5. Xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình;

1.6. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

1.7. Khi công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại công ty.

1.8. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của mình trong trường hợp cụ thể sau :

a) Cổ đông đã biểu quyết không thông qua nghị quyết về việc tổ chức lại công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ công ty có quyền yêu cầu công ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu công ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến công ty trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết về các vấn đề quy định tại khoản này.

b) Công ty phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông quy định tại mục a khoản này với giá thị trường hoặc giá được tính theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thỏa thuận được về giá thì các bên có thể yêu cầu một tổ chức thẩm định giá định giá. Công ty giới thiệu ít nhất 03 tổ chức thẩm định giá để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng.

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền sau đây:

a) Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của công ty;

b) Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này;

c) Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều này có quyền yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp: Hội đồng quản trị vi phạm nghiêm trọng quyền của cổ đông, nghĩa vụ của người quản lý hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao;

4. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông quy định tại khoản 3 Điều này phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty, căn cứ và lý do yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Kèm theo yêu cầu triệu tập họp phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Hội đồng quản trị, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền.

5. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thực hiện như sau:

a) Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

6. Quyền khác theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

Điều 20: Nghĩa vụ của cổ đông.

Cổ đông có các nghĩa vụ sau:

1. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua.
2. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.
3. Tuân thủ Điều lệ công ty và quy chế quản lý nội bộ của công ty.
4. Chấp hành nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.
5. Bảo mật các thông tin được công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.
6. Bảo vệ uy tín, lợi ích, tài sản và giữ bí mật về các hoạt động của Công ty.
7. Nghĩa vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

Chương IV**TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ, ĐIỀU HÀNH VÀ KIỂM SOÁT****MỤC I: ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG****Điều 21: Đại hội đồng cổ đông.**

1. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty, gồm: Đại hội đồng cổ đông thành lập, Đại hội đồng cổ đông thường niên và Đại hội đồng cổ đông bất thường.
2. Đại hội đồng cổ đông phải có đủ số lượng Cổ đông tham gia tối thiểu quy định tại Điều 22, 23, 25 của bản điều lệ này.

Điều 22: Đại hội đồng cổ đông thường niên.

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên mỗi năm họp một lần do Chủ tịch HĐQT triệu tập trong thời gian 04 tháng (120 ngày), kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị Công ty có thể quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết nhưng không quá 6 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.
2. Thành phần tham gia Đại hội đồng cổ đông thường niên là các Cổ đông sở hữu và cổ đông đại diện sở hữu ít nhất 6.000 cổ phần trở lên.
3. Đại hội đồng cổ đông thường niên họp lệ khi có số Cổ đông đại diện trên 65% tổng số phiếu biểu quyết đối với trường họp triệu tập lần đầu; từ 50% tổng số phiếu biểu quyết trở lên đối với trường họp triệu tập lần thứ hai dự họp

Điều 23: Đại hội đồng cổ đông bất thường.

1. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:
 - a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của công ty;
 - b) Số thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật hoặc ít hơn 1/3 số thành viên quy định trong Điều lệ;
 - c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên trong thời hạn liên tục ít nhất 6 tháng;
 - d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;
2. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày, kể từ

ngày số thành viên Hội đồng quản trị còn lại theo quy định tại điểm b hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 1 Điều này.

Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho công ty.

3. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều này thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật doanh nghiệp.

Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và bồi thường thiệt hại phát sinh cho công ty.

4. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều này thì, cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên trong thời hạn liên tục ít nhất 6 tháng, có quyền đại diện công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật doanh nghiệp.

5. Người triệu tập phải thực hiện các công việc sau đây để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông:

- a) Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp;
- b) Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;
- c) Lập chương trình và nội dung cuộc họp;
- d) Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;
- đ) Dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;
- e) Xác định thời gian và địa điểm họp;
- g) Gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định của Điều lệ này;
- h) Các công việc khác phục vụ cuộc họp.

6. Chi phí triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại các khoản 2, 3 và 4 của Điều này sẽ được công ty hoàn lại.

Điều 24: Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông.

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết theo qui định tại điều lệ Công ty, là cơ quan quyết định cao nhất của công ty cổ phần.

2. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau đây:

- a) Thông qua định hướng phát triển của công ty;
- b) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;
- c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;
- d) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty;
- đ) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;
- e) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
- g) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
- h) Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên gây thiệt hại cho công ty và cổ đông công ty;

- i) Quyết định tổ chức lại, giải thể công ty;
- k) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- l) Phê duyệt quy chế quản trị nội bộ; quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- m) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán độc lập; quyết định công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm tra hoạt động của công ty;
- n) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

Điều 25: Các đại diện được uỷ quyền.

1. Các cổ đông có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông theo luật pháp có thể trực tiếp tham dự hoặc uỷ quyền cho đại diện của mình tham dự. Đại diện được uỷ quyền không nhất thiết phải là cổ đông.

2. Việc chỉ định đại diện được uỷ quyền phải được lập bằng văn bản theo mẫu chung do Hội đồng quản trị quy định.

a) Trường hợp là cá nhân thì phải được ký bởi người uỷ quyền hoặc luật sư của người đó.

b) Trường hợp là Công ty thì phải được một luật sư hoặc người được uỷ quyền hợp lệ của Công ty đó ký và đóng dấu.

3. Trường hợp văn bản chỉ định người đại diện được uỷ quyền được một luật sư ký thay mặt cho người uỷ quyền thì thư uỷ quyền cho luật sư hoặc bản sao có xác nhận hợp lệ của thư uỷ quyền đó phải được (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty) nộp cùng với đơn chỉ định đại diện được uỷ quyền. Nếu điều này không được thực hiện thì việc chỉ định uỷ quyền sẽ bị coi là không có hiệu lực.

4. Lá phiếu bầu của đại diện được uỷ quyền trong phạm vi được uỷ quyền vẫn có hiệu lực ngay cả khi cổ đông chỉ định đại diện uỷ quyền đó đã:

a) Chết hoặc không có khả năng tự chủ hành vi của mình.

b) Huy bỏ việc chỉ định uỷ quyền.

c) Huy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc uỷ quyền.

Tuy nhiên, điều này sẽ không áp dụng nếu Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện nêu trên trước 48 giờ tổ chức cuộc họp hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 26. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và thông báo chương trình họp

1. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

a) Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp;

b) Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;

c) Lập chương trình và nội dung cuộc họp;

d) Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;

đ) Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;

e) Xác định thời gian và địa điểm họp;

g) Gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định của Luật doanh nghiệp;

h) Công việc khác phục vụ cuộc họp.

2. Chi phí triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại các khoản 2,3 và 4 Điều này sẽ được công ty hoàn lại.

3. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chuẩn bị chương trình, nội dung cuộc họp.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến công ty chậm nhất là 05 ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.

5. Trường hợp người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông từ chối kiến nghị quy định tại khoản 2 Điều này thì chậm nhất là 02 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông chỉ được từ chối kiến nghị nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây:

- a) Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 2 Điều này;
- b) Vấn đề kiến nghị không thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị theo quy định vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp kiến nghị không đúng quy định; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

Điều 27: Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông và lập biên bản Đại hội đồng cổ đông.

1. Đại hội đồng cổ đông sẽ do Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc nếu Chủ tịch vắng mặt thì ủy viên Hội đồng hoặc bất kỳ người nào khác do đại hội bầu ra sẽ chủ trì. Trường hợp không có ai trong số họ có thể chủ trì đại hội, thành viên Hội đồng quản trị có mặt với chức vụ cao nhất sẽ tổ chức cuộc họp để bầu ra chủ tọa của đại hội, chủ tọa không nhất thiết phải là thành viên Hội đồng quản trị. Chủ tịch hoặc chủ tọa được bầu của đại hội đề cử ban thư ký để lập biên bản đại hội. Trường hợp bầu chủ tọa, tên chủ tọa được đề cử và số phiếu bầu cho chủ tọa phải được công bố.

2. Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 65% cổ phần có quyền biểu quyết;

- Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng 30 phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc cuộc họp, đại hội phải được triệu tập lại trong vòng 30 ngày, kể từ ngày dự định tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất.

- Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần 2 được tiến hành khi có số thành viên tham dự đại diện cho ít nhất 51% cổ phần có quyền biểu quyết;

- Khi đại hội lần thứ hai không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng 30 phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc cuộc họp, thì triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba trong vòng 20 ngày kể từ ngày tiến hành đại hội lần hai. Trường hợp này, cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp và đều có quyền quyết định tất cả các vấn đề mà Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất có thể phê chuẩn một cách hợp lệ.

3. Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông phải được thông qua bởi từ 51% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông, trừ các trường hợp quy định tại khoản 4 điều này.

4. Các Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành:

- a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
- c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty;
- d) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được

ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty;

đ) Tổ chức lại, giải thể công ty;

5. Người chủ trì Đại hội đồng cổ đông chịu trách nhiệm lưu các biên bản và gửi cho tất cả các cổ đông ngay khi Đại hội đồng cổ đông kết thúc. Các biên bản này được coi là những bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại đại hội đó trừ khi có ý kiến phản đối được đưa ra một cách hợp lệ về nội dung biên bản trong vòng 10 ngày kể từ khi gửi những biên bản đó đi. Biên bản được chủ tọa đại hội và thư ký ký xác nhận và được lập theo quy định của Luật doanh nghiệp và tại điều lệ này. Các bản ghi chép, biên bản, sổ chữ ký của các cổ đông dự họp và văn bản ủy quyền tham dự phải được lưu giữ tại văn phòng Công ty.

6. Vào ngày tổ chức Đại hội đồng cổ đông, thủ tục đăng ký cổ đông phải được tiến hành và tiếp tục cho đến khi bảo đảm việc đăng ký đầy đủ tất cả các cổ đông có quyền dự họp.

7. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty sẽ cấp cho mỗi cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó có ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Việc biểu quyết tại đại hội sẽ được tiến hành bằng cách thu số thẻ ủng hộ một dự thảo nghị quyết trước, thu số thẻ phản đối dự thảo nghị quyết đó sau, cuối cùng so sánh tổng số phiếu tán thành hay phản đối để quyết định. Tổng số phiếu tán thành, phản đối một vấn đề, hoặc bỏ phiếu trắng, sẽ được chủ tọa thông báo ngay sau khi việc biểu quyết được tiến hành. Đại hội sẽ tự chọn trong số đại biểu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu và nếu đại hội không chọn thì chủ tọa sẽ chọn những người đó.

8. Cổ đông đến Đại hội đồng cổ đông muộn có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay tại đại hội, nhưng chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội đó để cho họ đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành sẽ không bị ảnh hưởng.

9. Quyết định của chủ tọa về vấn đề trình tự, thủ tục hoặc các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội đồng cổ đông sẽ mang tính phán quyết cao nhất.

10. Không cần lấy ý kiến của đại hội, Chủ tọa Đại hội đồng cổ đông có thể quyết định hoãn một đại hội đã có đủ số đại biểu cần thiết đến một thời điểm khác và tại một địa điểm do chủ tọa quyết định nếu nhận thấy rằng:

a) Các thành viên tham dự không thể có chỗ ngồi thuận tiện ở địa điểm tổ chức đại hội.

b) Hành vi của những người có mặt cản trở hoặc có khả năng cản trở diễn biến có trật tự của cuộc họp.

c) Sự trì hoãn là cần thiết để các công việc của Đại hội đồng cổ đông được tiến hành một cách hợp lệ. Ngoài ra với sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết, chủ tọa đại hội có thể hoãn đại hội. Đại hội họp lại sẽ thực hiện các nội dung, chương trình dự kiến thực hiện tại đại hội bị trì hoãn trước đó.

11. Chủ tọa của đại hội hoặc thư ký đại hội có thể tiến hành hoạt động mà họ thấy cần thiết để điều khiển Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ và có trật tự; hoặc để đại hội phản ánh được mong muốn của đa số tham dự.

12. Hội đồng quản trị có thể yêu cầu các cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền muốn tham dự Đại hội đồng cổ đông chịu sự kiểm soát hoặc các biện pháp an ninh khác mà Hội đồng quản trị cho là thích hợp. Khi đã xem xét kỹ lưỡng, Hội đồng quản trị có thể từ chối không cho tham dự hoặc trục xuất một cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền nào đó không chịu tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh này khỏi đại hội.

13. Hội đồng quản trị có thể tiến hành các biện pháp mà họ cho là thích hợp sau khi đã xem xét kỹ lưỡng để:

a) Điều chỉnh số người có mặt tại địa điểm chính họp Đại hội đồng cổ đông.

- b) Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại địa điểm đó.
- c) Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự đại hội (hoặc tiếp tục tham dự trong trường hợp đến muộn).
- d) Hội đồng quản trị có thể thay đổi những biện pháp này vào bất kỳ lúc nào nhằm đảm bảo Đại hội được tiến hành đúng quy định.

Điều 28 : Phê chuẩn các Nghị quyết thông qua hình thức gửi văn bản

1. Trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết tán thành.
2. Hội đồng quản trị có trách nhiệm sau đây để các nghị quyết của cổ đông được thông qua bằng hình thức văn bản:
 - a) Quyết định các vấn đề cần xem xét, hình thức và nội dung bỏ phiếu kín theo điều lệ này và pháp luật.
 - b) Gửi phiếu bầu và tất cả các văn bản cần thiết cho tất cả các cổ đông có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông để các cổ đông này có thể ra các quyết định với đầy đủ thông tin.
 - c) Quyết định kết quả bỏ phiếu và thông báo kết quả đó trong vòng 15 ngày sau ngày ghi trong lá phiếu mà vào ngày đó các lá phiếu sẽ được gửi trả lại.

MỤC II: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 29: Hội đồng quản trị.

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản trị cao nhất của Công ty giữa hai kỳ Đại hội đồng cổ đông.
2. Hội đồng quản trị gồm: 5 thành viên, do Đại hội đồng cổ đông bầu hoặc miễn nhiệm. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử.
3. Hội đồng quản trị bầu và bãi miễn với đa số phiếu bằng thể thức trực tiếp bỏ phiếu kín hoặc biểu quyết cử Chủ tịch và một (01) ủy viên thường trực HĐQT.

Điều 30: Điều kiện đề cử thành viên Hội đồng quản trị.

1. Điều kiện đề cử thành viên Hội đồng quản trị.
 - a/ Là cổ đông hoặc người đại diện hợp pháp của cổ đông pháp nhân; được cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% số cổ phần có quyền biểu quyết liên tục ít nhất 6 tháng trở lên đề cử, bản thân cổ đông được đề cử đó phải sở hữu ít nhất 1,0% vốn điều lệ.
 - b/ Những cổ đông nắm giữ ít hơn 10% số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục, ít nhất 6 tháng liên tiếp trở lên có quyền góp số cổ phần có quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các thành viên Hội đồng quản trị. Nếu tổng số cổ phần mà họ nắm giữ từ 10% đến dưới 30% thì họ được quyền đề cử 01 (một) thành viên để bầu vào Hội đồng quản trị; Nếu chiếm từ 30% đến dưới 50% thì họ được đề cử 02 thành viên; Nếu từ 50% đến dưới 70% thì họ được đề cử 03 thành viên; Nếu nhóm cổ đông sở hữu trên 70% vốn điều lệ thì được đề cử 04 thành viên.

2. Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty có thể kiêm nhiệm các chức vụ điều hành trực tiếp SXKD của Công ty.

3. Có năng lực kinh doanh và tổ chức quản lý doanh nghiệp.

4. Có sức khỏe, có phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết, có hiểu biết luật pháp.

5. Có uy tín và được sự tin nhiệm của các Cổ đông trong Công ty.

6. Cơ quan thường trực của HĐQT gồm: Chủ tịch, và 01 ủy viên TTHĐQT có nhiệm vụ giải quyết công việc hàng ngày.

Điều 31: Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị.

1- Nhiệm kỳ của mỗi thành viên HĐQT là 05 năm, các thành viên HĐQT có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2- Trong nhiệm kỳ, Đại hội đồng cổ đông có thể bãi miễn và bầu bổ sung thành viên HĐQT để đảm nhiệm cho hết nhiệm kỳ.

3- Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

Điều 32: Quyền hạn và trách nhiệm của Hội đồng quản trị.

1- Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của công ty;

2- Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

3- Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;

3- Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của công ty;

4- Quyết định mua lại không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã bán trong thời hạn 12 tháng;

5- Quyết định phương án đầu tư và bán tài sản có giá trị từ 10% đến dưới 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty.

6- Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;

7- Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty;

8- Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;

9- Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của công ty;

10- Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

11- Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;

12- Trình báo cáo tài chính hằng năm lên Đại hội đồng cổ đông;

13- Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

14- Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể công ty; yêu cầu phá sản công ty;

15- Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

Điều 33: Hoạt động của Hội đồng quản trị.

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Các cuộc họp thường kỳ: Chủ tịch của Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất 7 ngày trước ngày họp dự kiến, trừ trường hợp đột xuất. Chủ tịch có thể triệu tập họp bất kỳ khi nào thấy cần thiết, nhưng ít nhất là 03 tháng phải họp một lần.

3. Các cuộc họp bất thường: Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập cuộc họp Hội đồng quản trị bất thường, khi một trong số các đối tượng sau đây đề nghị bằng một văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị:

- a) Có đề nghị của Ban kiểm soát;
- b) Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;
- c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Kèm theo thông báo mời họp phải có tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại công ty.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các Kiểm soát viên như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Kiểm soát viên có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

7. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có 4/5 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có 3/5 số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

8. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp (mỗi thành viên có 01 phiếu) trong trường hợp sau đây:

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 10 Điều này;
- c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;

9. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

10. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

11. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số (trên 51%) thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

12. Biên bản cuộc họp: Nội dung cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi thành biên bản. Chủ tịch Hội đồng Quản trị có trách nhiệm chuyển biên bản cuộc họp của Hội đồng quản trị cho các thành viên và những biên bản đó sẽ phải được xem như những bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày chuyển đi. Các biên bản phải được ký bởi tất cả các thành viên Hội đồng quản trị tham dự buổi họp và lưu tại văn phòng Công ty.

13. Những người được mời họp dự thính: Tổng Giám đốc điều hành, những cán bộ quản lý khác và các chuyên gia của một bên thứ ba có thể dự họp Hội đồng quản trị theo lời mời của Hội đồng quản trị nhưng không được biểu quyết trừ khi bản thân họ có quyền được biểu quyết như thành viên Hội đồng quản trị”

Điều 34: Trường hợp mất tư cách thành viên Hội đồng quản trị.

“Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách là thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:

- a) Thuộc trường hợp pháp luật cấm;
- b) Thành viên đó gửi đơn bằng văn bản xin từ chức đến trụ sở chính Công ty;
- c) Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không có năng lực hành vi;

d) Cổ đông là cá nhân chết, mất quyền công dân. Cổ đông là tổ chức, pháp nhân mất tư cách pháp nhân hoặc cá nhân người đại diện phần vốn góp không còn được đại diện cho cổ đông là tổ chức, pháp nhân.

e) Thành viên đó vắng mặt, không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị liên tục trong vòng 06 (sáu) tháng, và trong thời gian này, Hội đồng quản trị không cho phép thành viên đó vắng mặt và đã xác định rằng chức vụ của người này bị bỏ trống;

f) Thành viên đó bị miễn nhiệm theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

g) Cung cấp cấp thông tin sai khi gửi cho Công ty với tư cách là ứng viên Hội đồng quản trị.

Thành viên Hội đồng quản trị không hoàn thành trách nhiệm, vi phạm nghiêm trọng điều lệ và quy chế quản lý nội bộ của Công ty, có những hành động vì lợi ích cá nhân, không bảo vệ uy tín, lợi ích, tài sản và bí mật các hoạt động kinh doanh của Công ty. Trong trường hợp này, Hội đồng quản trị có trách nhiệm kiểm điểm tư cách thành viên vi phạm, xác định mức độ thiệt hại do hành vi của thành viên đó gây ra trình Đại hội cổ đông xem xét quyết định bãi nhiệm và mức bồi thường thiệt hại.

Điều 35: Trường hợp khuyết thành viên Hội đồng quản trị .

1- Chủ tịch, thành viên Hội đồng quản trị muốn từ chức hoặc Cổ đông pháp nhân muốn thay đổi người đại diện của mình đang giữ chức Chủ tịch, và thành viên Hội đồng quản trị của Công ty thì phải có đơn, văn bản gửi đến Hội đồng quản trị Công ty. Trong thời hạn 60 ngày kể

từ ngày nhận đơn hoặc văn bản Hội đồng quản trị phải họp xem xét quyết định.

2- Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị đương nhiên mất tư cách thành viên Hội đồng quản trị thì Hội đồng quản trị cử 01 ủy viên Hội đồng quản trị thay thế và đảm nhiệm công việc của Chủ tịch cho đến khi Đại hội gần nhất.

3- Trường hợp khuyết 1/3 thành viên Hội đồng quản trị hoặc không đủ số thành viên tối thiểu theo quy định của Luật doanh nghiệp thì phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường để bầu bổ sung. Mọi trường hợp khuyết thành viên Hội đồng quản trị, do Đại hội đồng cổ đông gần nhất quyết định.

4. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm thành viên hội đồng quản trị mới để thay thế vị trí thành viên Hội đồng quản trị bị bỏ trống. Thành viên mới của Hội đồng quản trị phải được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận tại phiên họp Đại hội cổ đông gần nhất. Sau khi được đại hội cổ đông chấp thuận, việc bổ nhiệm thành viên mới sẽ được coi là có hiệu lực vào ngày Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị mới được tính từ ngày việc bổ nhiệm có hiệu lực đến ngày kết thúc nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị. Trường hợp thành viên mới không được đại hội đồng cổ đông chấp thuận, mọi quyết định của Hội đồng quản trị cho đến trước thời điểm diễn ra Đại hội cổ đông có sự tham gia biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị thay thế vẫn được coi là có hiệu lực”.

Điều 36: Phân công nhiệm vụ và quyền hạn giữa các thành viên trong Hội đồng quản trị.

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị là người đại diện theo pháp luật của Công ty, có thể đồng thời là Tổng Giám đốc điều hành.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:

- a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
- b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
- c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
- d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
- đ) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
- e) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

5. Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp thực thi nhiệm vụ đã được Hội đồng quản trị phân công, không ủy quyền cho người khác. Nhiệm vụ và quyền hạn của thành viên Hội đồng quản trị như sau:

- a, Nghiên cứu, đánh giá tình hình, kết quả hoạt động và đóng góp vào việc xây dựng phương hướng phát triển, kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trong từng thời kỳ.

b, Được quyền yêu cầu người quản lý của Công ty cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của công ty để thực hiện nhiệm vụ của mình trừ những thông tin, tài liệu có liên quan đến lợi ích mà người yêu cầu phải công khai. Yêu cầu phải gửi đến Công ty bằng văn bản.

c, Tham dự phiên họp của Hội đồng quản trị, thảo luận và biểu quyết các vấn đề thuộc nội dung phiên họp, chịu trách nhiệm cá nhân trước pháp luật, trước Đại hội đồng cổ đông và trước HĐQT về những hành vi của mình.

d, Thực hiện điều lệ của Công ty và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Nghị quyết của HĐQT có liên quan đến từng thành viên theo sự phân công của HĐQT.

6. Ủy viên thường trực Hội đồng quản trị ngoài nhiệm vụ quy định tại tiết 5 điều này còn có nhiệm vụ:

a/ Tổ chức các cuộc họp Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

b/ Lập và hướng dẫn lập biên bản các cuộc họp của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông.

c/ Tư vấn về thủ tục các cuộc họp.

d/ Cung cấp thông tin cho thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.

Điều 37: Quyền lợi của thành viên Hội đồng quản trị.

1- Thành viên Hội đồng quản trị hưởng thù lao do Đại hội đồng cổ đông quyết định theo đề nghị của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Thù lao hàng tháng của Hội đồng quản trị được quy định theo mức tiền lương tối thiểu do Nhà nước quy định cụ thể như sau:

- Chủ tịch Hội đồng quản trị: 2,0

- Ủy viên thường trực: 1,5

- Ủy viên: 1,0

2- Mọi chi phí hoạt động của Hội đồng quản trị được tính vào chi phí quản lý của Công ty.

MỤC 3: TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BỘ MÁY GIÚP VIỆC

Điều 38: Tổng Giám đốc.

1- Tổng Giám đốc là người quản lý, điều hành mọi hoạt động kinh doanh của Công ty, do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, miễn nhiệm.

2- Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về trách nhiệm quản lý, điều hành Công ty.

3- Giúp việc Tổng Giám đốc có các Phó tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị bổ nhiệm và miễn nhiệm theo đề nghị của Tổng Giám đốc.

Điều 39: Tiêu chuẩn lựa chọn Tổng Giám đốc.

Tổng Giám đốc Công ty phải có các điều kiện sau:

1- Có trình độ quản lý kinh doanh thuộc các ngành kinh tế - kỹ thuật. Có trình độ đại học và có ít nhất 5 năm công tác trong ngành; Có đủ kiến thức, kinh nghiệm quản lý Công ty, hiểu biết pháp luật và sở hữu số cổ phần từ 1% vốn điều lệ trở lên.

2- Không kiêm nhiệm bất cứ một chức vụ quản trị điều hành nào tại các tổ chức kinh tế khác.

3. Có phẩm chất đạo đức, lối sống trong sạch, được sự tín nhiệm của các cổ đông và người lao động trong doanh nghiệp.

Điều 40: Chức năng và nhiệm vụ của Tổng Giám đốc.

1. Điều hành và chịu trách nhiệm về mọi hoạt động kinh doanh của Công ty theo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ Công ty

và tuân thủ pháp luật.

2- Bảo toàn và phát triển vốn, thực hiện theo phương án kinh doanh đã được Hội đồng quản trị phê duyệt.

3- Xây dựng và trình Hội đồng quản trị kế hoạch dài hạn và kế hoạch hằng năm.

4- Quyết định giá mua, giá bán nguyên liệu, sản phẩm, hàng hoá (trừ những sản phẩm dịch vụ do Nhà nước quy định).

5- Quyết định các biện pháp tuyên truyền quảng cáo, tiếp thị; các biện pháp khuyến khích mở rộng sản xuất.

6- Đề nghị Hội đồng quản trị bổ nhiệm, miễn nhiệm; khen thưởng, kỷ luật các chức danh: Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng.

7- Quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật các chức danh quản lý trong Công ty (trừ các chức danh do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức) và cán bộ CNVC dưới quyền.

8- Quyết định lương và phụ cấp (nếu có) đối với người lao động trong Công ty kể cả cán bộ quản lý thuộc quyền bổ nhiệm của Tổng Giám đốc.

9- Ký kết các hợp đồng kinh tế theo luật định.

10- Báo cáo trước Hội đồng quản trị tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

11- Đại diện Công ty trong việc khởi kiện các vụ án có liên quan đến quyền lợi của Công ty khi được Hội đồng quản trị uỷ quyền bằng văn bản.

Điều 41: Quyền hạn và trách nhiệm của Tổng Giám đốc.

1- Tổng Giám đốc là người có quyền quyết định cao nhất về quản lý và điều hành của Công ty theo phân cấp của Hội đồng quản trị .

2- Từ chối thực hiện những quyết định của Chủ tịch, hay các thành viên Hội đồng quản trị nếu thấy trái pháp luật, trái điều lệ và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, đồng thời phải có trách nhiệm thông báo ngay cho các kiểm soát viên.

3- Tuyển dụng, thuê mướn và bố trí sử dụng lao động theo quy định của Hội đồng quản trị; khen thưởng, kỷ luật hoặc cho thôi việc đối với người lao động nhưng phải phù hợp với Bộ Luật lao động.

4- Được quyết định các biện pháp vượt thẩm quyền của mình trong các trường hợp khẩn cấp như: thiên tai, địch hoạ, hoả hoạn, sự cố... và chịu trách nhiệm về các quyết định này, đồng thời báo cáo ngay cho Hội đồng quản trị.

5- Chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông và pháp luật về những sai phạm gây tổn thất cho Công ty.

Điều 42: Uỷ quyền, uỷ nhiệm.

1- Tổng Giám đốc Công ty có thể uỷ nhiệm cho các Phó Tổng Giám đốc hoặc người khác thay mặt mình giải quyết một số công việc của Công ty và chịu trách nhiệm pháp lý trước uỷ quyền, uỷ nhiệm của mình.

2- Người được Tổng Giám đốc uỷ quyền, uỷ nhiệm phải chịu trách nhiệm pháp lý trước Tổng Giám đốc và trước pháp luật về những công việc mình làm.

3- Mọi sự uỷ quyền, uỷ nhiệm có liên quan tới con dấu của Công ty đều phải thực hiện bằng văn bản.

4- Các trưởng phòng, ban trong Công ty có thể uỷ quyền, uỷ nhiệm cho các nhân viên cấp dưới của mình.

Điều 43: Từ nhiệm và đương nhiên mất tư cách.

1- Khi Tổng Giám đốc muốn từ nhiệm phải có đơn gửi Hội đồng quản trị, trong thời hạn

90 ngày kể từ ngày nhận được đơn, Hội đồng quản trị xem xét và quyết định.

2- Tổng Giám đốc đương nhiên mất tư cách khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:

- Chết, mất trí, mất quyền công dân.
- Tự ý bỏ nhiệm sở 20 ngày.

3- Trường hợp Tổng Giám đốc bị mất tư cách, Hội đồng quản trị phải tạm cử người để thay thế. Trong thời gian tối đa 30 ngày, Hội đồng quản trị phải tiến hành các thủ tục để bổ nhiệm Tổng Giám đốc mới.

MỤC 4: KIỂM SOÁT VIÊN

Điều 44: Ban kiểm soát.

1. Là tổ chức thay mặt Cổ đông để kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành Công ty. Ban kiểm soát hoạt động theo chế độ chuyên trách hoặc kiêm nhiệm.

2. Thành viên Ban kiểm soát do các cổ đông đề cử theo tỉ lệ sở hữu cổ phần của Công ty:

a/ Mỗi cổ đông nắm giữ trên 10% số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất 6 tháng có quyền đề cử của một ứng cử viên để bầu vào Ban kiểm soát.

b/ Những cổ đông nắm giữ ít hơn 10% số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất 6 tháng có quyền góp số cổ phần có quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử Kiểm soát viên. Nếu tổng số cổ phần mà họ nắm giữ từ 10% đến dưới 30% thì họ được quyền đề cử 01 ứng cử viên để bầu vào Ban kiểm soát. Nếu chiếm từ 30 đến dưới 50% thì họ được đề cử 02 ứng cử viên, nếu từ 50% đến dưới 70% thì họ được đề cử 03 và lớn hơn 70% thì họ được đề cử 04 ứng cử viên.

3. Ban kiểm soát có 3 người do Đại hội đồng cổ đông bầu và bãi miễn, trong đó có ít nhất 1 người có nghiệp vụ về tài chính - kế toán trở lên. Việc biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Ban kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử

4. Các kiểm soát viên tự cử một người làm Trưởng ban kiểm soát.

Điều 45: Tiêu chuẩn lựa chọn kiểm soát viên.

1. Kiểm soát viên phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a. Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;
b. Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp;

c. Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác;

d. Kiểm soát viên là Cổ đông của Công ty, trong đó có ít nhất một người trình độ đại học trở lên, có chuyên môn về nghiệp vụ kế toán tài chính và phải sở hữu số cổ phần có giá trị ít nhất từ 0,5% vốn điều lệ trở lên; Trưởng Ban kiểm soát phải sở hữu số cổ phần tối thiểu 1% vốn điều lệ trở lên và phải có bằng tốt nghiệp Đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

2- Kiểm soát viên không được là thành viên của Hội đồng quản trị, Giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng của Công ty và các chức danh quản lý khác theo điều lệ Công ty (Mục 9: điều khoản giải thích từ ngữ).

Điều 46: Nhiệm kỳ kiểm soát viên.

1- Nhiệm kỳ của kiểm soát viên cùng nhiệm kỳ với thành viên hội đồng quản trị và có thể kéo dài thêm 90 ngày để giải quyết các công việc tồn đọng.

2- Trường hợp Kiểm soát viên có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì Kiểm soát viên đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

3- Trong nhiệm kỳ nếu khuyết kiểm soát viên thì Đại hội đồng cổ đông phải bầu thay thế theo thể thức trực tiếp bỏ phiếu kín.

Điều 47: Nhiệm vụ, quyền hạn của kiểm soát viên.

1- Trưởng ban kiểm soát có trách nhiệm phân công kiểm soát viên phụ trách từng loại công việc.

2- Mỗi kiểm soát viên dưới sự chỉ đạo và phân công của Trưởng ban kiểm soát, có trách nhiệm và quyền hạn như sau:

a/ Kiểm soát các hoạt động kinh doanh, kiểm tra sổ sách kế toán, tài sản, các báo cáo, quyết toán năm tài chính của Công ty, của các Chi nhánh trực thuộc và kiến nghị khắc phục những sai phạm (nếu có).

b/ Được quyền yêu cầu các phòng ban nghiệp vụ của Công ty, các Chi nhánh cung cấp tình hình số liệu, tài liệu và thuyết minh các hoạt động kinh doanh của Công ty.

c/ Có trách nhiệm kiểm tra việc bán hàng của Công ty ở các Chi nhánh vật tư NN huyện, chấn chỉnh việc bán hàng theo đúng quy định của Nhà nước và hướng dẫn của Công ty.

d/ Thường xuyên thông báo với Hội đồng quản trị về kết quả hoạt động, tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình các báo cáo, kết luận và báo cáo lên Đại hội đồng cổ đông.

e/ Báo cáo Đại hội đồng cổ đông về tính chính xác, trung thực, hợp pháp của việc ghi chép, lưu trữ chứng từ và lập sổ kế toán, báo cáo tài chính, các báo cáo khác của Công ty. Tính trung thực hợp pháp trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

f/ Trưởng ban kiểm soát có quyền tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị, phát biểu ý kiến và có những kiến nghị nhưng không tham gia biểu quyết. Nếu có ý kiến khác với quyết định của Hội đồng quản trị thì có quyền yêu cầu ghi ý kiến của mình vào biên bản phiên họp và được trực tiếp báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông gần nhất.

g/ Trưởng ban kiểm soát có quyền yêu cầu HĐQT họp phiên bất thường hoặc yêu cầu HĐQT triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường.

3- Kiểm soát viên được hưởng thù lao theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông, mức thù lao hàng tháng cho Ban kiểm soát được xác định theo tiền lương tối thiểu chung do Nhà nước quy định cụ thể: Trưởng ban: 1,0; kiểm soát viên : 0,5. Chi phí hoạt động của kiểm soát viên được hạch toán vào chi phí quản lý của Công ty.

4. Kiểm soát viên có trách nhiệm tham gia một số nhiệm vụ đột xuất của Công ty khi có ý kiến của Hội đồng quản trị.

Điều 48: Từ chức, từ nhiệm và mất tư cách kiểm soát viên.

1- Trưởng ban kiểm soát muốn từ chức, từ nhiệm phải làm đơn gửi Hội đồng quản trị.

2- Kiểm soát viên bị mất tư cách khi vi phạm một trong các trường hợp như đối với thành viên Hội đồng quản trị.

3- Trường hợp khuyết chức danh Trưởng ban kiểm soát thì số kiểm soát viên còn lại cử người thay thế.

4- Trường hợp khuyết kiểm soát viên có nghiệp vụ về tài chính kế toán, Hội đồng quản trị phải tạm thời cử người thay thế cho đến khi triệu tập Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung.

Mục 5: CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC VÀ BỘ MÁY GIÚP VIỆC

Điều 49: Các đơn vị trực thuộc.

1. Các Chi nhánh trực thuộc:

- Tại mỗi Huyện, Thành phố, Thị xã trong tỉnh thành lập một (hoặc 2) đơn vị trực thuộc Công ty lấy tên là: Chi nhánh vật tư nông nghiệp.

- Chi nhánh vật tư nông nghiệp là đơn vị trực thuộc Công ty, có trụ sở tại các Huyện, thành phố, thị xã có con dấu riêng, được mở tài khoản tiền gửi tại các chi nhánh ngân hàng, có nhiệm vụ tiếp nhận và bán lẻ phân bón, giống cây lương thực và các mặt hàng khác phục vụ nông nghiệp và phát triển nông thôn theo kế hoạch hàng năm công ty giao. Các Chi nhánh là đơn vị hạch toán định mức, tự chịu trách nhiệm về kết quả kinh doanh theo định mức do Công ty ban hành.

- Bộ máy Chi nhánh gồm: Giám đốc, các Phó giám đốc, Kế toán chính, các phòng chức năng, các cán bộ nghiệp vụ và các nhân viên bán hàng, số lượng biên chế cho các Chi nhánh phải phù hợp với qui mô kinh doanh của Chi nhánh và được Công ty phê duyệt.

- Nhiệm vụ các Chi nhánh: Thực hiện tốt các chức năng nhiệm vụ được công ty giao cho và kinh doanh một số lĩnh vực khác trong chức năng kinh doanh của Công ty nếu được Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt phương án kinh doanh.

2. Các Công ty cổ phần thành viên (Công ty con):

- Trong quá trình phát triển của Doanh nghiệp để phù hợp với yêu cầu đổi mới và hội nhập kinh tế, Công ty sẽ thành lập các công ty con và tổ chức hoạt động theo luật doanh nghiệp. Các Công ty con được thành lập trên cơ sở chuyển đổi các Chi nhánh chuyên doanh, Chi nhánh VTNN huyện khi có đủ điều kiện.

Điều 50: Giám đốc các Chi nhánh.

1. Giám đốc các Chi nhánh là người quản lý, điều hành mọi hoạt động kinh doanh của đơn vị mình. Giám đốc Chi nhánh do Tổng Giám đốc Công ty bổ nhiệm, miễn nhiệm trên cơ sở tín nhiệm của các Cổ đông và người lao động ở đơn vị. Giám đốc Chi nhánh nhất thiết phải là Cổ đông của Công ty, có nhiệm kỳ là 3 năm và có thể được bổ nhiệm lại nếu được tín nhiệm của Cổ đông, người lao động ở đơn vị.

2. Giám đốc các Chi nhánh phải sở hữu số cổ phần có giá trị ít nhất từ 0,4% vốn điều lệ trở lên, Phó giám đốc và kế toán chính phải sở hữu số cổ phần trị giá ít nhất 0,3% vốn điều lệ và làm việc tại Công ty.

3. Giám đốc Chi nhánh có nhiệm vụ:

- Điều hành và chịu trách nhiệm về mọi hoạt động kinh doanh của đơn vị mình theo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, điều lệ Công ty, quyết định của Tổng Giám đốc và tuân thủ pháp luật.

- Bảo toàn vốn do Công ty giao.

- Được ký kết các hợp đồng kinh tế khi Công ty uỷ quyền bằng văn bản.

- Có trách nhiệm quản lý, bảo quản toàn bộ số tài sản được Công ty giao, nộp tiền thuê, tiền thuế đất đối với diện tích đơn vị mình đang sử dụng.

- Có trách nhiệm trả lương, thưởng và phụ cấp (nếu có) cho người lao động trong đơn vị mình với mức thấp nhất bằng mức lương tối thiểu do Nhà nước quy định ở từng thời điểm nhân hệ số lương quy định.

- Chịu trách nhiệm bằng tài sản gia đình trước Tổng Giám đốc Công ty và pháp luật về

những sai phạm gây tổn thất cho Công ty.

Điều 51: Các phòng chức năng Công ty.

1. Trưởng phòng là người quản lý điều hành quản lý mọi hoạt động của đơn vị mình theo chức năng nhiệm vụ được giao. Là người chịu trách nhiệm thực hiện các quyết định của Tổng Giám đốc Công ty và tuân thủ pháp luật. Trưởng phòng do Tổng Giám đốc công ty bổ nhiệm, miễn nhiệm trên cơ sở tín nhiệm của các cổ đông ở đơn vị.

2. Trưởng phòng phải sở hữu số cổ phần ít nhất 0,5% vốn điều lệ, Phó phòng phải sở hữu số cổ phần ít nhất 0,3% vốn điều lệ.

CHƯƠNG V

**TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ,
TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ.**

Điều 52: Trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc điều hành và cán bộ quản lý.

Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc điều hành và cán bộ quản lý được uỷ thác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, mẫn cán vì lợi ích của Công ty và các cổ đông.

Điều 53: Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi.

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc điều hành và cán bộ quản lý không được phép sử dụng chức năng, quyền hạn của mình vì mục đích cá nhân ... những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của bất kỳ tổ chức hoặc cá nhân nào khác.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc điều hành và cán bộ quản lý có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị mọi lợi ích có thể gây xung đột mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác. Những đối tượng này chỉ có thể sử dụng những cơ hội đó khi các thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan đó quyết định không truy cứu vấn đề này.

3. Công ty không được phép cấp các khoản vay, bảo lãnh hoặc tín dụng cho thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc điều hành, cán bộ quản lý và gia đình của họ hoặc bất kỳ pháp nhân nào mà ở đó những người này có các lợi ích tài chính, trừ khi Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

4. Không một thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc điều hành, một nhân viên quản lý hay người có liên quan nào của họ được phép mua hay bán hoặc giao dịch theo bất kỳ hình thức nào khác các cổ phiếu của Công ty vào bất cứ thời điểm nào, khi mà họ có được những thông tin chắc chắn sẽ gây ảnh hưởng đến giá của những cổ phiếu đó và các cổ đông khác lại không biết những thông tin này.

5. Các hợp đồng phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận: Các hợp đồng kinh tế, dân sự của Công ty với thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, thành viên Ban kiểm soát, cổ đông sở hữu trên 10% số cổ phần có quyền biểu quyết và với người có liên quan của họ chỉ được ký kết theo quy định dưới đây:

a/ Đối với các hợp đồng có giá trị lớn hơn 20% tổng giá trị tài sản ghi trên sổ sách kế toán của Công ty phải được Đại hội đồng cổ đông quyết định. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông có người liên quan là bên ký hợp đồng không có quyền biểu quyết.

b/ Các hợp đồng bằng hoặc nhỏ hơn 20% tổng giá trị tài sản trên sổ sách kế toán của Công ty phải được Hội đồng quản trị chấp thuận trước khi ký. Thành viên Hội đồng quản trị hoặc là

người có liên quan đến thành viên Hội đồng quản trị là bên ký hợp đồng không có quyền biểu quyết. Trường hợp các hợp đồng quy định trên được ký kết mà chưa được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận thì hợp đồng đó vô hiệu và được xử lý theo quy định của pháp luật. Những người gây thiệt hại cho Công ty phải bị bồi thường.

Điều 54: Trách nhiệm bồi thường.

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý không hoàn thành nghĩa vụ của mình do thiếu thận trọng, mẫn cán và năng lực chuyên môn sẽ phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

2. Công ty sẽ bồi thường cho những người đã, đang và có nguy cơ trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố đó, đang hoặc có thể sẽ được tiến hành cho dù đây là vụ việc dân sự, hành chính (mà không phải là việc kiện tụng do Công ty thực hiện hay thuộc quyền khởi xướng của Công ty) nếu người đó hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc đại diện được ủy quyền của Công ty hoặc người đó hoặc đang làm theo yêu cầu của Công ty với tư cách thành viên Hội đồng quản trị, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc đại diện được ủy quyền của một Công ty, đối tác, liên doanh, tín thác hoặc pháp nhân khác. Những chi phí được bồi thường bao gồm: Các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là mức hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép, với điều kiện người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, mẫn cán và với năng lực chuyên môn theo phương thức mà người đó xác định rằng hoạt động đó là vì lợi ích hoặc không chống lại lợi ích cao nhất của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có sự phát hiện hay xác nhận nào rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình. Công ty có quyền mua bảo hiểm cho những người đó để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

Điều 55: Công khai lợi ích có liên quan:

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người quản lý khác của công ty phải kê khai cho công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ làm chủ hoặc sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm làm chủ, sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ làm chủ, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ;

2. Công ty phải tập hợp và cập nhật danh sách những người có liên quan của công ty theo quy định tại khoản 23 Điều 4 của Luật Doanh nghiệp và các hợp đồng, giao dịch tương ứng của họ với công ty;

3. Việc kê khai quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng;

4. Việc lưu giữ, công khai, xem xét, trích lục, sao chép danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được kê khai quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này được thực hiện như sau:

a) Công ty phải thông báo danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan cho Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên;

b) Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty; trường hợp cần thiết có thể lưu giữ một phần hoặc toàn bộ nội dung danh sách nói trên tại các chi nhánh của công ty;

c) Cổ đông, đại diện theo ủy quyền của cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm

soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác có quyền xem xét, trích lục và sao chép một phần hoặc toàn bộ nội dung kê khai;

d) Công ty phải tạo điều kiện để những người quy định tại điểm c khoản này tiếp cận, xem xét, trích lục, sao chép danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan một cách nhanh nhất, thuận lợi nhất; không được ngăn cản, gây khó khăn đối với họ trong thực hiện quyền này. Trình tự, thủ tục xem xét, trích lục, sao chép nội dung kê khai người có liên quan và lợi ích có liên quan do Hội đồng quản trị công ty quy định;

5. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về công ty.

Điều 56: Chấp thuận hợp đồng, giao dịch giữa công ty với người có liên quan:

1. Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận hợp đồng, giao dịch giữa công ty với người có liên quan sau đây:

a) Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông của công ty và người có liên quan của họ;

b) Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người có liên quan của họ;

c) Doanh nghiệp mà thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người quản lý khác của công ty phải kê khai theo quy định tại khoản 2 Điều 164 của Luật doanh nghiệp.

2. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch theo quy định khoản 1 Điều này và có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất. Trường hợp này, người đại diện công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo; thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.

3. Đại hội đồng cổ đông chấp thuận hợp đồng, giao dịch sau đây:

a) Hợp đồng, giao dịch khác ngoài hợp đồng, giao dịch quy định tại khoản 2 Điều này;

b) Hợp đồng, giao dịch vay, cho vay, bán tài sản có giá trị lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất giữa công ty và cổ đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó.

4. Trường hợp chấp thuận hợp đồng, giao dịch theo quy định tại khoản 3 Điều này, người đại diện công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên về đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc thông báo nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị trình dự thảo hợp đồng, giao dịch hoặc giải trình về nội dung chủ yếu của hợp đồng, giao dịch tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. Trường hợp này, cổ đông có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết; hợp đồng, giao dịch được chấp thuận theo quy định tại khoản 1 và khoản 4 Điều 148 của Luật doanh nghiệp.

5. Hợp đồng, giao dịch bị vô hiệu theo quyết định của Tòa án và xử lý theo quy định của pháp luật khi được ký kết không đúng với quy định tại Điều này; người ký kết hợp đồng, giao

dịch, cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc có liên quan phải liên đới bồi thường thiệt hại phát sinh, hoàn trả cho công ty khoản lợi thu được từ việc thực hiện hợp đồng, giao dịch đó.

6. Công ty phải công khai hợp đồng, giao dịch có liên quan theo quy định của pháp luật có liên quan.

CHƯƠNG VI

CÁC CHẾ ĐỘ VỀ LAO ĐỘNG VÀ QUYỀN LỢI CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG

Điều 57: Chế độ và quyền lợi của người lao động.

1- Chế độ tuyển dụng: Việc tuyển dụng lao động và trả lương cho người lao động thực hiện theo chế độ hợp đồng lao động giữa Tổng Giám đốc (hoặc người được Tổng Giám đốc ủy quyền) và người lao động phù hợp với qui định của pháp luật. Ưu tiên tuyển dụng lao động là con em của Cổ đông nếu đủ các tiêu chuẩn và đáp ứng được yêu cầu của Công ty.

2- Chế độ và quyền lợi của người lao động làm việc tại Công ty:

- Người lao động đang làm việc tại Công ty theo chế độ hợp đồng lao động khi chuyển sang Công ty cổ phần sẽ được ký lại hợp đồng lao động với người sử dụng lao động. Đối với số lao động tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động thì giải quyết theo chế độ hiện hành.

- Khi chuyển sang Công ty cổ phần, mọi chế độ như BHXH, BHYT và các chế độ khác theo pháp luật được Công ty cổ phần tiếp tục thực hiện.

- Sau 12 tháng kể từ khi doanh nghiệp chuyển thành Công ty cổ phần, nếu do nhu cầu tổ chức lại hoạt động kinh doanh, thay đổi công nghệ dẫn đến người lao động mất việc làm thì chính sách đối với người lao động này được giải quyết theo những qui định hiện hành của Chính phủ.

- Công ty sẽ ưu tiên bố trí việc làm đối với các cổ đông sáng lập là người lao động chuyển từ Công ty vật tư nông lâm nghiệp thủy lợi sang.

- Đối với các chức danh là thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng, mức sở hữu tối thiểu từ 1,0% vốn điều lệ trở lên, các chức danh phụ trách các đơn vị và các chức danh quản lý khác được quy định về mức sở hữu tối thiểu theo quy định theo quy định tại điều 50, 51 của bản điều lệ này.

- Đối với cán bộ chuyên môn nghiệp vụ tại văn phòng Công ty và các Chi nhánh sở hữu tối thiểu 0,2% vốn điều lệ.

CHƯƠNG VII

HẠCH TOÁN, PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN VÀ LẬP QUỸ

Điều 58: Hạch toán.

1- Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào 31 tháng 12 hằng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm đó.

2- Công ty thực hiện việc hạch toán kế toán theo đúng Luật kế toán thống kê hiện hành.

3- Cuối mỗi niên khoá, Hội đồng quản trị xem xét, thông qua quyết toán đề trình Đại hội đồng cổ đông:

- Bảng cân đối kế toán của Công ty.
- Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.
- Thuyết minh báo cáo tài chính.



Các bản báo cáo này phải được gửi đến các thành viên Hội đồng quản trị, kiểm soát viên trước ít nhất 10 ngày của kỳ Đại hội thường niên.

4- Sau Đại hội, các văn bản, biên bản Đại hội đồng cổ đông và tất cả các chứng từ có liên quan phải được lưu giữ tại văn phòng Công ty theo luật định.

Điều 59: Lợi nhuận, phân phối lợi nhuận và trích lập quỹ.

1. Theo các quy định về chế độ tài chính của Nhà nước, lợi nhuận của Công ty gồm:

+ Lợi nhuận trước thuế = Tổng thu nhập - Tổng chi phí.

+ Lợi nhuận sau thuế = Lợi nhuận trước thuế - Thuế thu nhập doanh nghiệp.

2. Trước khi chia cổ tức cho các cổ đông phải trích lập các quỹ.

a/ Các quỹ bắt buộc:

- Quỹ khen thưởng phúc lợi: ít nhất bằng 5% lợi nhuận sau thuế, mức tính tối đa không vượt quá 3 tháng lương thực tế của doanh nghiệp.

b/ Các quỹ khác không bắt buộc :

- Quỹ đầu tư phát triển: tùy theo khả năng tài chính và nhu cầu đầu tư, nghiên cứu khoa học kỹ thuật..vv, Hội đồng quản trị đề xuất trình đại hội đồng cổ đông quyết định.

4. Hội đồng quản trị có trách nhiệm xây dựng quy chế phân phối lợi nhuận và sử dụng các quỹ đề trình Đại hội cổ đông quyết định cho từng năm.

5. Cổ tức được chia cho các cổ đông theo phần vốn góp; tùy tình hình kinh doanh nếu xét thấy có khả năng sinh lời Hội đồng quản trị có thể tạm ứng cổ tức giữa kỳ cho cổ đông.

Điều 60: Xử lý khi sản xuất kinh doanh thua lỗ.

Trường hợp sản xuất kinh doanh thua lỗ, Đại hội cổ đông có thể quyết định giải quyết kịp thời theo các giải pháp:

- Chuyển lỗ sang năm sau theo quy định của pháp luật.

- Đại hội đồng cổ đông hoặc HĐQT phải quyết định các biện pháp để khắc phục.

CHƯƠNG VIII

GIẢI THỂ, THANH LÝ, TRANH TỤNG

Điều 61: Giải thể.

Công ty giải thể trong các trường hợp sau đây :

1. Trường hợp Công ty bị thua lỗ đến 3/4 số vốn điều lệ, Công ty không còn đủ số lượng thành viên tối thiểu theo qui định của luật doanh nghiệp trong thời hạn 6 tháng liên tục, Bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh. Các cổ đông đều có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội cổ đông bất thường để quyết định việc giải thể Công ty.

2. Khi có lý do chính đáng, Hội đồng quản trị có quyền đề nghị Đại hội cổ đông bất thường quyết định giải thể Công ty.

3. Quyết định của toà án và các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

Điều 62: Thanh lý tài sản khi doanh nghiệp giải thể.

1. Khi có quyết định giải thể Công ty, Đại hội cổ đông thành lập hội đồng thanh lý thay thế Hội đồng quản trị để cùng kiểm soát viên làm nhiệm vụ thanh lý Công ty theo thời gian quy định và theo quy định của pháp luật hiện hành.

2. Trong thời gian thanh lý, các thanh lý viên và kiểm soát viên có quyền triệu tập Đại hội cổ đông khi xét thấy cần thiết.

Điều 63: Tố tụng, tranh tụng.

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị là người đại diện Công ty trước pháp luật và được uỷ quyền cho các cán bộ quản lý Công ty trong mọi giai đoạn tranh tụng.

2. Công ty có quyền bình đẳng trước pháp luật với mọi pháp nhân, cá nhân khi có tố tụng

tranh chấp.

3. Trong thời gian hoạt động bình thường cũng như trong thời gian thanh lý, mọi quyết định xử lý các tranh tụng liên quan đến Công ty đều thuộc thẩm quyền của các cơ quan chức năng của Nhà nước theo quy định hiện hành.

4. Mọi cổ đông có quyền khiếu nại, đòi hỏi quyền lợi chính đáng của mình và đòi bồi thường thiệt hại do lỗi của bất cứ thành viên nào trong Công ty gây ra. Nếu Hội đồng quản trị bỏ qua thì các cổ đông có thể cử đại diện đứng đơn khiếu nại trước cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

Điều 64: Trình tự giải quyết tranh chấp nội bộ.

1. Khi phát sinh tranh chấp hoặc khiếu nại có liên quan tới hoạt động của Công ty hay quyền của các cổ đông phát sinh từ điều lệ hay từ bất cứ quyền hoặc nghĩa vụ do Luật doanh nghiệp hay các luật khác quy định giữa:

a/ Các cổ đông với nhau.

b/ Một cổ đông hay các cổ đông với Công ty.

c/ Một cổ đông hay các cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc điều hành hay cán bộ quản lý Công ty.

d/ Giữa các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và giữa các cán bộ quản lý. Thì các bên liên quan sẽ cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải.

2. Nếu các bên không tự hoà giải, thương lượng được thì Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ chủ trì việc giải quyết tranh chấp (nếu liên quan đến Chủ tịch Hội đồng quản trị thì Hội đồng quản trị sẽ họp và cử người làm trung gian hoà giải) và sẽ yêu cầu mỗi bên trình bày các yếu tố thực tiễn liên quan đến tranh chấp trong vòng 15 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh.

3. Nếu không có quyết định hoà giải nào đạt được trong vòng 6 tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận thì bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra toà án kinh tế.

4. Mỗi bên sẽ tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Các chi phí của toà án sẽ do toà án phán quyết bên nào phải chịu.

CHƯƠNG IX

ĐIỀU KHOẢN CUỐI CÙNG VÀ CÁC QUY ĐỊNH KHÁC

Điều 65: Thể thức sửa đổi, bổ sung điều lệ Công ty.

1. Việc sửa đổi, bổ sung điều lệ này phải được Đại hội cổ đông xem xét quyết định.

2. Mọi cổ đông đều có quyền đề xuất sáng kiến sửa đổi, bổ sung điều lệ phù hợp với thực tế sản xuất kinh doanh và lợi ích của Công ty. Hội đồng quản trị có trách nhiệm tập hợp nội dung đề xuất sửa đổi trình Đại hội đồng cổ đông.

3. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

Điều 66: Điều khoản thi hành.

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý, các cổ đông, người lao động và các cá nhân, tổ chức có liên quan có trách nhiệm thực hiện theo các nội dung quy định của điều lệ này.

Điều 67: Con dấu.

- Con dấu của Công ty được khắc theo mẫu quy định thống nhất của Bộ Công an, trước khi

sử dụng được đăng ký tại cơ quan có thẩm quyền theo quy định.

- Hội đồng quản trị giao cho Tổng Giám đốc sử dụng con dấu và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 68: Đăng ký điều lệ.

- Bản Điều lệ sửa đổi lần thứ mười này gồm 9 chương và 68 điều, được cổ đông Công ty cổ phần Vật tư nông nghiệp Thái nguyên thông qua và chấp thuận toàn bộ vào ngày 24/05/2024. Điều lệ này có hiệu lực kể từ ngày 24/05/2024.

- Điều lệ này được lập thành 10 bản có giá trị như nhau, trong đó:

+ 01 bản nộp tại phòng công chứng nhà nước tỉnh Thái Nguyên.

+ 05 bản đăng ký tại các cơ quan chức năng.

+ 04 bản lưu tại văn phòng Công ty.

- Các bản trích hay bản sao phải có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị mới có giá trị pháp lý./.

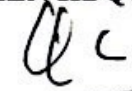
TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ NÔNG NGHIỆP THÁI NGUYÊN

CÁC THÀNH VIÊN HĐQT:

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Chu Huy Túc



2. Đoàn Đức Đạt



3. Trần Văn Thụ



4. Phạm Văn Hòa




Đỗ Xuân Hiền